

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm chỉ khâu, dao phẫu thuật, vật tư cho dao siêu âm của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm chỉ khâu, dao phẫu thuật, vật tư cho dao siêu âm của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Huỳnh Đức Thiện – Nhân viên khoa Dược, Số điện thoại: 032.7527693, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 22 tháng 01 năm 2026 đến trước 08h00 ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá.

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	1. Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ			
1.1	Chỉ khâu liên kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 2/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide 6.0 hoặc 6.6 hoặc tương đương. Số 2/0, dài $\geq$ 75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24 mm. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	500
1.2	Chỉ khâu liên kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide 6.0 hoặc 6.6 hoặc tương đương. Số 3/0, dài $\geq$	Sợi	400

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24 mm. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)		
1.3	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide 6.0 hoặc 6.6 hoặc tương đương. Số 4/0, dài $\geq$ 75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 19 mm. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	500
1.4	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 5/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide 6.0 hoặc 6.6 hoặc tương đương. Số 5/0, dài $\geq$ 75cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 16 mm. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	500
1.5	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90 cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài $\geq$ 90cm, 2 kim tròn đầu cắt, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 17mm, 1/2 vòng tròn. Đường kính kim 0.46mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	60
1.6	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 6/0, dài 60 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương. Số 6/0, dài $\geq$ 60cm, 2 kim, kim tròn đầu tròn, dài 11mm, độ cong kim 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	72
	2. Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi			
2.1	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 3/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương số 3/0, chỉ dài $\geq$ 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 22mm, kim bằng thép không gỉ, được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicone hoặc tương đương. Lực căng kéo nút thắt ≥ 28.66 N, tan hoàn toàn 60 - 90 ngày. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	5.000
2.2	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 4/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương số 4/0, chỉ dài $\geq$ 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim bằng thép không gỉ, được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicone hoặc tương đương. Lực căng kéo nút thắt ≥ 20.75 N, tan hoàn toàn 60 - 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	300
2.3	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 5/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương số 5/0, chỉ dài $\geq$ 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, kim bằng thép không gỉ, phủ silicone hoặc tương đương. Lực căng kéo	Sợi	720

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		nút thắt $\geq 13.81N$, tan hoàn toàn 60 - 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)		
2.4	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 6/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương số 6/0, chỉ dài $\geq 70cm$, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, kim bằng thép không gỉ, phủ silicone hoặc tương đương. Lực căng kéo nút thắt $\geq 7.69N$, tan hoàn toàn 60 - 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	200
	3. Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi			
3.1	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 kháng khuẩn số 1/0, dài 90 cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 1 dài $\geq 90cm$, kim tròn đầu tròn dài 40mm 1/2 vòng tròn. Kim bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo $> 2750 MPa$, được phủ bởi lớp silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Đường kính kim 1.143mm. Lực căng giữ vết thương $\geq 75\%$ sau 14 ngày, $\geq 50\%$ sau 21 ngày, $\geq 25\%$ sau 28 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	10.000
3.2	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 kháng khuẩn số 2/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 2/0 dài $\geq 70cm$, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn. Kim bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo $> 2750 MPa$, được phủ bởi lớp silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Đường kính kim 0.67 mm. Lực căng giữ vết thương $\geq 75\%$ sau 14 ngày, $\geq 50\%$ sau 21 ngày, $\geq 25\%$ sau 28 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	3.000
3.3	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 kháng khuẩn số 3/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 3/0 dài $\geq 70cm$, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn. Kim bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo $> 2750 MPa$, được phủ bởi lớp silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Đường kính kim 0.61mm. Lực căng giữ vết thương $\geq 75\%$ sau 14 ngày, $\geq 50\%$ sau 21 ngày, $\geq 25\%$ sau 28 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	360

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3.4	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 kháng khuẩn số 4/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 4/0 dài $\geq$ 70cm, kim tròn đầu tròn dài 22mm 1/2 vòng tròn. Kim bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2750 MPa, được phủ bởi lớp silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng. Đường kính kim 0.46 mm. Lực căng giữ vết thương $\geq 75\%$ sau 14 ngày, $\geq 50\%$ sau 21 ngày, $\geq 25\%$ sau 28 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	500
	4. Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh đa sợi			
4.1	Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 2/0, dài 90cm	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate hoặc tương đương, số 2/0 dài $\geq$ 90cm, kim tròn đầu cắt, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, làm bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone hoặc tương đương, dài 36mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 50\%$ sau 5 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	3.000
4.2	Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0, dài 75cm	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 4/0 dài $\geq$ 75cm, 1 kim tam giác ngược, dài 19mm, 3/8 vòng tròn, làm bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2750 MPa, có phủ silicone hoặc tương đương, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Lực căng giữ vết thương $\geq 50\%$ sau 5 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	24
4.3	Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 5/0, dài 75cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 5/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, dài 17mm 1/2 vòng tròn, kim làm bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2750 MPa, có phủ silicone hoặc tương đương. Lực căng giữ vết thương $\geq 75\%$ sau 14 ngày, $\geq 50\%$ sau 21 ngày, $\geq 25\%$ sau 28 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 56-70 ngày. Đường kính kim 0.46mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	100
4.4	Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 6/0, dài 45cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 6/0 dài $\geq$ 45cm, kim tròn đầu tròn, dài 13mm 1/2 vòng tròn, làm bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới	Sợi	100

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		hạn độ bền kéo > 2750 MPa, có phủ silicone hoặc tương đương. Lực căng giữ vết thương ≥ 75% sau 14 ngày, ≥ 50% sau 21 ngày, ≥ 25% sau 28 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 56-70 ngày. Đường kính kim 0.31mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)		
	5. Chỉ khâu đặc biệt các loại, các cỡ (dùng cho phẫu thuật tim mạch)			
5.1	Chỉ khâu liền kim không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0, dài 60cm, kim dài 8mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài ≥ 60cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 8mm. Độ cong kim 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	72
5.2	Chỉ khâu liền kim không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 3/0, dài 90cm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester hoặc tương đương bao phủ bằng polybutylate hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim hình tròn đầu cắt, kim dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	24
5.3	Chỉ silicon cặp mạch máu	Chỉ silicon cặp mạch máu 2mmx200mm	Sợi	10
	6. Chỉ khác			
6.1	Chỉ khâu liền kim không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 0, dài 75cm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester, gồm ≥ 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm, được bao phủ bởi Polybutylate hoặc tương đương. Số 0, dài ≥ 75cm. Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 31mm, 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	50
6.2	Chỉ khâu liền kim có neo không thắt nút đơn sợi Polydioxanone số 1 dài 45cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn, dạng không thắt nút có 2 hàng neo ép đối xứng, có 5 neo trên 1cm, đoạn dẫn không có neo dài 19mm. Cỡ chỉ số 1 dài ≥ 45cm, 1 đầu tự khóa hình chữ nhật 2.54 x 5.08mm. 1 kim tròn đầu tròn dài 40mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	180
6.3	Chỉ khâu liền kim có neo không thắt nút đơn sợi Polydioxanone số 2 dài 30cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cỡ chỉ số 2/0 dài ≥ 30cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt, 1 kim tròn đầu tròn dài 36mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 4 - 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Kim làm bằng hợp kim thép Ethalloy hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2750 MPa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6.4	Chỉ khâu hở eo tử cung	Băng khâu hở eo cổ tử cung bằng polyester hoặc tương đương dài ≥ 40 cm, dày 5mm. 2 kim tròn, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Sợi	240
	7. Dao phẫu thuật			
7.1	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số	Chất liệu thép không gỉ, tiết trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	7.530
7.2	Dao cắt mẫu bệnh phẩm	Lưỡi dao cắt tiêu bản. Độ nghiêng lưỡi dao: 34độ/80x8x0,254 mm. Dùng cắt lạnh và cắt thường tiêu bản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	300
7.3	Tay dao mổ điện	Tay dao mổ điện sử dụng 01 lần.	Cái	250
	8. Tăm điện cực			
8.1	Tăm dán điện cực trung tính sử dụng nhiều lần	Tăm điện cực trung tính loại dùng nhiều lần. Tương thích sử dụng được với dao mổ điện, máy cắt đốt...Chiều dài dân dẫn ≥ 2 m. Đầu cắm thiết bị: Chân tròn 6mm hoặc chân dẹp.	Cái	80
	9.Vật tư tiêu hao cho dao mổ điện Conmed			
9.1	Bản điện cực âm cho dao mổ điện	Bản điện cực âm. Tương thích với dao mổ điện Conmed	Cái	800
9.2	Cán dao điện mổ mở dùng một lần các loại	Cán dao đơn cực dùng 1 lần. Tương thích với dao mổ điện Conmed	Cái	160
	10. Vật tư tiêu hao cho dao mổ siêu âm			
10.1	Tay dao siêu âm mổ mở, cán dài 17cm, dạng kéo	Đầu dao cong, thon, dài 16mm, chiều dài cán 17cm, nút kích hoạt 240 độ. Có công nghệ thích ứng mô. Độ chắc của mối hàn gấp 2 lần áp lực tâm thu (≥ 200 mmHg). Tương thích sử dụng được với dao mổ siêu âm GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	1
10.2	Tay dao siêu âm mổ mở, cán dài 9cm, dạng kéo	Đầu dao cong, dài 16mm. Chiều dài cán 9cm. Nút kích hoạt 240 độ. Độ mở hàm 10.4mm. Lưỡi dao bằng hợp kim Titan hoặc tương đương được bao phủ lớp chống dính. Lưỡi kẹp bằng chất liệu Aluminum hoặc tương đương. Có công nghệ thích ứng mô. Tương thích sử dụng được với Máy GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	1
10.3	Dao cắt cầm máu siêu âm dùng cho mổ nội soi	Chiều dài cán 36cm, chiều dài hàm dao 15mm, độ mở hàm 10mm, cán xoay 360 độ. Sử dụng để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm. Lưỡi dao bằng hợp kim Titan hoặc tương đương được bao phủ lớp chống dính. Có công nghệ thích ứng mô. Tương thích sử dụng được với dao mổ siêu âm GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	40

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10.4	Dây dao siêu âm dùng cho dao mổ nội soi	Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học, số lần sử dụng ≥ 95 lần. Tương thích với tay dao có lưỡi dao bằng hợp kim Titan hoặc tương đương được phủ lớp chống dính, máy phát chính GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	5
10.5	Dây dao siêu âm dùng cho mổ mở	Dây dao siêu âm mổ mở chuyển hóa điện năng thành dao động cơ học. Sử dụng tối đa 100 lần. Chuyển động dao động 55.500 lần/giây. Tương thích với: Máy GEN11 và Tay dao siêu âm, có công nghệ thích ứng mô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	1
10.6	Trocar không dao thân dài 100mm, đường kính 5mm/12mm	Trocar an toàn không lưỡi dao, ống ngoài có rãnh cố định đường kính 5mm-12mm, chiều dài 100mm, đường vào hình phễu, đầu trocar trong suốt, có đường vào cho camera. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	150
10.7	Trocar không dao thân dài 75mm, đường kính 5mm	Trocar dài 75mm có ống ngoài thấu xạ với rãnh cố định, nòng trong đường kính 5mm. Van giữ khí gồm 4 mảnh xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu, được bôi trơn. Có thanh khóa camera. Vòng đệm ngoài có thể tháo rời, có 2 cánh nhựa ở vị trí đầu của nòng trong, chất liệu nhựa polycarbonate hoặc tương đương, thân thiết kế rãnh nhám. Đầu nối khí có chiều dài 10.4mm và đường kính 7.6mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. (Chứng nhận CE, CFS, FDA ... nếu có)	Cái	3
11. Tay dao siêu âm hàn mạch				
11.1	Tay dao siêu âm hàn mạch	Đường kính 5mm, dài 35cm, loại tay cầm phía trước, type S. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.




GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

**Phụ lục
BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1		Thiết bị A													
2		Thiết bị B													
3															
Tổng: ... mặt hàng										Tổng thành tiền: (Bằng chữ: ...)					

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))